

CÔNG TY TNHH  
MINATO VIỆT NAM  
Số: CV-21052026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày...21... tháng...5... năm 2026

## BÁO CÁO

(V/v bán nhà cho người nước ngoài tại dự án The Minato Residence)

*Kính gửi: Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng*

Trước hết, Công ty TNHH Minato Việt Nam (“*Công ty*”) xin gửi đến Quý Sở lời chào trân trọng.

Công ty TNHH Minato Việt Nam là chủ đầu của Dự án công trình chung cư kết hợp thương mại dịch vụ The Minato Residence tại phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng (“*Dự án*”). Bằng văn bản này, Công ty kính báo cáo tình hình bán nhà cho người nước ngoài tại Dự án theo danh sách tại Phụ lục đính kèm.

Công ty TNHH Minato Việt Nam kính đề nghị Quý Sở đăng tải trên cổng thông tin điện tử theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như Kg;
- Lưu Vp



**UEDA TAKAFUMI**  
Tổng Giám Đốc

**Dự án The Minato Residence - Tòa nhà CT1**

STT	Đối với cá nhân				Đối với tổ chức nước ngoài sở hữu nhà ở thông qua việc mua, thuê mua nhà ở thương mại của chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhận tặng cho, nhận thừa kế nhà ở thương mại			
	Họ và tên chủ sở hữu	Quốc tịch	Hộ chiếu	Số nhà/ Số căn hộ	Họ và tên người đại diện tổ chức	Quốc tịch	Hộ chiếu	Số nhà/ số căn hộ
1	DO GEUMYEONG	KOREAN	M22507767	CT1 12A12A				
2	DANG THI NHUNG	SINGAPOREAN	K2482946P	CT1 1812B				
3	HUANG, HSIEN-PING	TAIWANESE	307748102	CT1 22A02				
4	HUANG, HSIEN-PING	TAIWANESE	307748102	CT1 22A12B				
5	HUANG, HSI-CHE	TAIWANESE	308177303	CT1 2112B				
6	HUANG, HSI-CHE	TAIWANESE	308177303	CT1 2102				
7	KWOK HOI SUI	SINGAPOREAN	K1153145A	CT1 2416				
8	KWOK HOI SUI	SINGAPOREAN	K1153145A	CT1 2408				
9	CHEUNG WAI FAN	HONGKONGER	HJ2141306	CT1 1705				
10	JANG JAE HO	KOREAN	M010G2135	CT1 612B				
11	WU TUNG YUAN	TAIWANESE	360315285	CT1 619				
12	Christopher Corriden	AMERICAN	505845241	CT1 2510				
13	LI, HSUN-KENG	CHINESE	351702931	CT1 1904				
14	CHIEN, CHIH-MING	CHINESE	363257739	CT1 2512B				
15	YANG, CHENG-HSUEH	CHINESE	353431910	CT1 1903				
16	ZHANG WEI	CHINESE	E82160772	CT1 1119				
17	CHANG CHAN YUN	CHINESE	160011241	CT1 1403				
18	CHENG CHEN, HSIU MAIN	CHINESE	K05946073	CT1 2521				
19	CHENG CHEN, HSIU MAIN	CHINESE	K05946073	CT1 2515				
20	WANG SZU HUAI	CHINESE	312534640	CT1 1912B				
21	HSU WEN-HSIN	CHINESE	312298640	CT1 1914				
22	CÔNG TY TNHH BAO BÍ HAO HÂN	TAIWAN.FDI	0200744253	CT1 615	CHEN YU-TSANG	TAIWANESE	307523899	Số 121 Tầng Thôn, đường Trung Sơn, thôn Ngũ Biên, xã Vĩnh Thanh, huyện Chương Hóa, Đài Loan, Trung Quốc
23	CÔNG TY TNHH BAO BÍ HAO HÂN	TAIWAN.FDI	0200744253	CT1 616	CHEN YU-TSANG	TAIWANESE	307523899	Số 121 Tầng Thôn, đường Trung Sơn, thôn Ngũ Biên, xã Vĩnh Thanh, huyện Chương Hóa, Đài Loan, Trung Quốc
24	CÔNG TY TNHH BAO BÍ HAO HÂN	TAIWAN.FDI	0200744253	CT1 617	CHEN YU-TSANG	TAIWANESE	307523899	Số 121 Tầng Thôn, đường Trung Sơn, thôn Ngũ Biên, xã Vĩnh Thanh, huyện Chương Hóa, Đài Loan, Trung Quốc
25	OH JONG DOO	KOREAN	M819C5822	CT1 22A04				
26	CHIEN, SHAO-LIN	CHINESE	364342040	CT1 2104				
27	HSIAO, KAO-HUI	CHINESE	360122332	CT1 712B				
28	Hồ Việt Trung	AMERICAN	031089012291	CT1 803				
29	Công ty TNHH Blue Ocean Realty	TAIWAN.FDI	0105991213	CT1 2621	CHIEN, TA-HSIANG (SANTO CHIEN)	TAIWANESE	360549283	Số 15 lô 3A Khu Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam
30	HAN DONG HUN	KOREAN	M08307578	CT1 1610				
31	HUANG, SHANG - WEN	CHINESE	362852548	CT1 22B15				
32	HUANG, SHANG - WEN	CHINESE	362852548	CT1 22B16				
33	HUANG, SHANG - WEN	CHINESE	362852548	CT1 22B17				
34	YANG, SHOU-CHENG	CHINESE	363303165	CT1 22B09				
35	CHEN, CHIN- HSIANG	CHINESE	365933069	CT1 714				
36	WU YINFANG	SINGAPOREAN	K3600431Z	CT1 1714				
37	WU YINFANG	SINGAPOREAN	K3600431Z	CT1 1715				
38	WU YINFANG	SINGAPOREAN	K3600431Z	CT1 1716				
39	WU YINFANG	SINGAPOREAN	K3600431Z	CT1 22B12A				

40	WU YINFANG	SINGAPOREAN	K3600431Z	CTI.22B14				
41	CHAN DENNIS	CANADIAN	P048760PC	CTI.1712A				
42	CHAN DENNIS	CANADIAN	P048760PC	CTI.22B08				
43	CHO HAESOO	KOREAN	M21935020	CTI.1503				
44	HUANG, HUEI-WEN	CHINESE	353046767	CTI.22B01				
45	HUANG, HUEI-WEN	CHINESE	353046767	CTI.22B20				
46	NAM HYUNKYU	KOREAN	M965T0889	CTI.1412A				
47	CHOU PING-CHENG	TAIWANESE	360013409	CTI.716				
48	CHENG CHIN-TSANG	TAIWANESE	360084526	CTI.2514				
49	CHIU, TSAN HUANG	TAIWANESE	362322387	CTI.12B16				
50	WANG KA LIK KENNETH	CHINESE	H23571247	CTI.22B06				
51	HUNG, HSIN TIEN	CHINESE	315150996	CTI.12B15				
52	TSANG KIN LUNG	CHINESE	H20743546	CTI.12B14				
53	CHEN, TZU CHIN	TAIWANESE	362014246	CTI.12B06				
54	CHIU, LUNA YOULING	CHINESE	352003723	CTI.2616				
55	KIM TAEHO	KOREAN	M451Y0081	CTI.1911				
56	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DA TIAN WU	TAIWAN FDI		CTI.-CH.04	CHEN, YI-KUAN	TAIWANESE	365146914	234 Phố Trịnh Đình Cửu, phường Đình Công, thành phố Hà Nội, Việt Nam
57	CHEN, CHUNG-CHIH	CHINESE	363936594	CTI.22B07				
58	LEE MAN HEE	KOREAN	M29332441	CTI.22B11				
59	YU, CHEN-HUAN	CHINESE	367471469	CTI.22A11				
60	KO, WEN-HUI	CHINESE	361124668	CTI.2511				
61	KO, WEN-HUI	CHINESE	361124668	CTI.2509				



Hà Phòng, ngày 4 tháng 5 năm 2026  
 Công ty TNHH Minato Việt Nam  
 (Đại diện ký và đóng dấu)

田貴史

**UEDA TAKAFUMI**  
**Tổng Giám Đốc**

Dự án The Minato Residence - Tòa nhà CT2

ST T	Đối với cá nhân				Đối với tổ chức nước ngoài sở hữu nhà ở thông qua việc mua, thuê mua nhà ở thương mại của chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhận tặng cho, nhận thừa kế nhà ở thương mại			
	Họ và tên chủ sở hữu	Quốc tịch	Hộ chiếu	Số nhà/ Số căn hộ	Họ và tên người đại diện tổ chức	Quốc tịch	Hộ chiếu	Số nhà/ số căn hộ
1	CÔNG TY TNHH LEBEN COMMUNITY VIET NAM	FDI Enterprise (Japan)	0202001045	58	OKONOGI KOHEI	Japanese	M22111758	2-2-3 Matsugaoka, Chigasaki-shi, Kanagawa-ken, Nhật Bản
2	CÔNG TY TNHH DONG YANG VINA INDUSTRY	FDI Enterprise (Korea)	0201901011	22A21	LEE JINCHAN	Korean		
3	CÔNG TY TNHH DONG YANG VINA INDUSTRY	FDI Enterprise (Korea)	0201901011	22B21	LEE JINCHAN	Korean		
4	Chen Yen - Bo	Người Đài Loan - Taiwanese	307171630	2006				
5	JANG HYUNOH	Người Hàn Quốc - Korean	M68490745	1104				
6	CÔNG TY TNHH YMP PLUS	FDI Enterprise (Korea)	0201900120	2521	CHOI KWANG SOO	Korean		
7	YE YONGJIAN	Người Trung Quốc - Chinese	ED1352604	1621				
8	CÔNG TY TNHH PHA VIỆT NAM	FDI Enterprise (Korea)	0201883651	2014	LEE JAE CHUL	Korean		
9	SHIN KWANG BOK	Người Hàn Quốc - Korean	M63562864	2503				
10	JOLLY MARC-ANTOINE CHARLES N.	Người Hàn Quốc - Korean	M36070527	12B19				
11	NISHIMURA AKIKO	Người Hàn Quốc - Korean	M36070527	1921				
12	JEON YOUNG BAE	Người Hàn Quốc - Korean	M10765252	2002				
13	LEE SEUNG MIN	Korean	M69400263	1403				
14	SEO JUN SUNG	Người Hàn Quốc - Korean	M90925077	1603				
15	HYUN JUNKIL	Người Hàn Quốc - Korean	M43837034	2604				
16	CÔNG TY TNHH ECOLUX VEKO	FDI Enterprise (Hong Kong)	0201916480	2501	CHANG JIN			
17	YE YONGJIAN	Người Trung Quốc - Chinese	EF8846955	1621				
18	SHIROMARU TAKESHI	Người Nhật Bản - Japanese	TR4760396	803				
19	EOM TAEHOAN	Người Hàn Quốc - Korean	M77841856	22A10				
20	CÔNG TY TNHH J&B DRIVE VINA	FDI Enterprise (Korea)	0201803342	22B01				
21	NISHIMURA AKIKO	Người Nhật Bản - Japanese	TK7583910	1919				
22	CÔNG TY TNHH HANMIFLEXIBLE VINA HẢI PHÒNG	FDI Enterprise (Korea)	0201906669	22B12B	BANG JINHWI			
23	TERAMOTO MICHIO	Người Nhật Bản - Japanese	TK3348010	614				
24	LAM CHI HANG	Người Anh - British	554969407	1912B				
25	LO LAI SIM CINDY	Người Hong Kong - HongKonger	HJ2087377	514				
26	LO LAI SIM CINDY	Người Hong Kong - HongKonger	HJ2087377	515				
27	LO LAI SIM CINDY	Người Hong Kong - HongKonger	HJ2087377	516				
28	MATSUURA YUMA	Người Hàn Quốc - Korean	M18550484	921				
29	TAKAMIYA NORIKAZU	Người Nhật Bản - Japanese	TR9139829	2418				
30	XU MING	Người Trung Quốc - Chinese	E55957753	2007				
31	XU MING	Người Trung Quốc - Chinese	E55957753	2010				
32	XU MING	Người Trung Quốc - Chinese	E55957753	2011				
33	WU JUI-HSIANG	Người Đài Loan - Taiwanese	353015678	2118				
34	CÔNG TY TNHH NAKASHIMA VIỆT NAM	FDI Enterprise (Japan)	0200656688	12A04	SHIGETADA KATAOKA			
35	JANG HYUNOH	Người Hàn Quốc - Korean	M63377143	1103				
36	WU JUI-HSIANG	Người Nhật Bản - Japanese	TS0472071	2119				
37	KUNIE ANDO	Người Nhật Bản - Japanese	T20798318	12A19				
38	KISHIMOTO KOSEI	Người Nhật Bản - Japanese	TK0864387	2403				
39	GAJU ECHIZENYA	Người Nhật Bản - Japanese	TK6708233	2402				
40	MATSUURA YUMA	Người Nhật Bản - Japanese	TZ1154606	918				



41	JAN, PEI - TE	Người Đài Loan - Taiwanese	310244966	2419			
42	SUMINO HIROSHI	Người Nhật Bản - Japanese	T20765865	1718			
43	PATEL DHAVALKUMAR VINODCHANDRA	Người Nhật Bản - Japanese	T21256295	706			
44	SOYANO AKIRA	Người Nhật Bản - Japanese	MU6352813	1703			
45	KANG JOON SAM	Người Hàn Quốc - Korean	M18071351	22A03			
46	NISHI YOSHIHIRO	Người Nhật Bản - Japanese	T21246105	2104			
47	CHAN YIM NGAN HELENA	Người Hong Kong - HongKonger	KJ0193104 => H21199201	2508			
48	CHEN ANDREW TSUN HAO	Người Canada - Canadian	GA179118	2507			
49	FONG KAM WAH	Người Hong Kong - HongKonger	K02829803 => HJ2150156	1808			
50	OR CHIN LAM	Người Hong Kong - HongKonger	H20542725	12B08			
51	FU CHO SHUN SAMUEL	Người Hong Kong - HongKonger	K03964688	1806			
52	MAK SZE YAN ABBY - WONG CHI CHING	Người Hong Kong - HongKonger	KJ0498986 - K06404325	2511			
53	WAN HO HEI JAMES	Người Hong Kong - HongKonger	K06970958	1704			
54	MORLOTTI LUCA	Người Ý - Italian	YB0682083	1812A			
55	WEI TAO	Người Trung Quốc - Chinese	EB8999874 => EJ6467718	12B11			
56	LI SHUK YAN	Người Anh - British	561988834 => HJ2201246	2112A			
57	PATEL DHAVALKUMAR VINODCHANDRA	Người Ấn Độ - Indian	Z4838416	704			
58	BOSSI MANUEL AMON	Người Hong Kong - HongKonger	YB4244734	12B06			
59	WOO MAN WAI THOMAS	Người Hong Kong - HongKonger/ Chinese	HJ2144161	12A03			
60	CHAU LUEN FAI	Người Hong Kong - HongKonger	HJ2172397	12A02			
61	BOSSI MANUEL AMON	Người Ý - Italian	YB4244734	12B06			
62	CHAN WAI MAN	Người Hong Kong - HongKonger	KJ0402668	12B10			
63	OR CHIN LAM	Người Hong Kong - HongKonger	H20542725	12B08			
64	YUNG YAT MING	Người Hong Kong - HongKonger	K05252238 => HJ2111132	907			
65	ZHANG XU	Người Hong Kong - HongKonger	K05628017	2120			
66	YEUNG KIM WAH	Người Hong Kong - HongKonger	K02581507 => H20902821	1106			
67	CHANDRA ROANNA	Người Ý - Italian	YB3010243	1520			
68	HUNTER XAVIER MICHAEL	Người Anh - British	538975494	12B01			
69	CAMARDA JR JOSEPH ANDREW	Người Mỹ - American	568153753	1512A			
70	LEE WAI	Người Hong Kong - HongKonger	KJ0786507-K05825009	715			
71	TSUI HO LEUNG	Người Hong Kong - HongKonger	KJ0161065 => H20710564	717			
72	HO CHEUK FOR	Người Anh - British	535716864 => K06377393	708			
73	Kim Hyundong - Trinh Thi Kim Chi	Người Bỉ - Belgium	EP483345-EP271470	912A			
74	LI WAI NGA	Người Hong Kong - HongKonger	KJ0172691	716			
75	HUI CHI HO	Người Hong Kong - HongKonger	K02379797 => H20866596	12A07			
76	HO CHEUK FOR	Người Hong Kong - HongKonger	KJ0610712	709			
77	NG YEUK NAM	Người Hong Kong - HongKonger	K04178193	714			
78	LAI SAU KUEN KAREN	Người Hong Kong - HongKonger	K07183089	707			
79	SIN WANG KIT	Người Hong Kong - HongKonger	KJ0428258-K04446370	1111			
80	KONG MAN YEE ROSAME	Người Hong Kong - HongKonger-Người Pháp	H20083937-17DH49764	12B16			
81	Kim Hyundong - Trinh Thi Kim Chi	Người Anh - British	575265802	512A			
82	SZE YUK YU REBECCA	Người Hong Kong - HongKonger	H20857349-K06443279	1006			
83	WANG HONG - WU CHEN ZHI	Người Hong Kong - HongKonger	HJ2062951 - H20088252	711			
84	LIN KA CHUNG STEPHANE	Người Hong Kong - HongKonger	K05876795 => K06973613	2517			
85	TONG ANNIE MEI KAN	Người Úc - Australian	PA1803841	710			
86	WAN HO HEI JAMES	Người Hong Kong - HongKonger	KJ0591343	1706			
87	TO YUNG TING	Người Anh - British	546596419	2115			
88	PARK SLGIE	Người Hàn Quốc - Korean	M17261946	12A21			
89	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN G.A	FDI Enterprise (Japan)	0303767277	1503	SEKI TAKEHIKO	Japanese	
90	WONG WAI SHAN	Người Trung Quốc - Chinese	H21021652	2620			
91	LEUNG DARON WAI KWONG	Người Canada - Canadian	GA217919	909			
92	WANG WAI KUM KIM	Người Hong Kong - HongKonger	KJ0174415	814			
93	OTSUBO RYUNOSUKE	Người Nhật Bản - Japanese	TS2631057	1719			
94	CHANDRA ROANNA	Người Hong Kong - HongKonger	KJ0164904 => HJ2128224	1515			
95	TAN SAMUEL HOCK MENG	Người Canada - Canadian	AG656249	12B14			

96	TSUI HO LEUNG	Người Canada - Canadian	AG556249-KJ0300580	720				
97	TOMO YOKOZAWA	Người Nhật Bản - Japanese	TZ1141601	1702				
98	Kim Hyundong - Trinh Thi Kim Chi	Người Hong Kong - HongKonger	KJ0744947	7128				
99	CHANDRA ROANNA	Người Hong Kong - HongKonger		1518				
100	YANG SEUNG JONG	Người Hàn Quốc - Korean	M90648513	22803				
101	JOLLY MARC-ANTOINE CHARLES N.	Người Hồng Kông - Singapore	EN993825 => GB6017519	12817				
102	Hao Cheng	Người Trung Quốc - Chinese	ED6225066	2110				
103	JEON HOYONG	Người Hàn Quốc - Korean	M31728355 - M04699955	2504				
104	LJO YUANZHOU	Người Đài Loan - Taiwanese	EJ2044500	22A08				
105	CÔNG TY TNHH MICHANG VIỆT NAM	FDI Enterprise (Korea)	0201904069	621	KIM TAEMUK	Korean		
106	Phùng Tô Sơn	Người Đức - German	C7ZL3252M	22A17				
107	WANG LIBO	Người Trung Quốc - Chinese	ES2248382	1714				
108	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN MIRAE VINA	FDI Enterprise (Korea)	0202012992	1802	MIN SUNG SOO	Korean		
109	FENG, PEI	Người Trung Quốc - Chinese	E31424952	1614				
110	Kim Hyundong - Trinh Thi Kim Chi	Người HQ - Korean ,Người VN - Vietnamese	M13514003 - 031195001619	26128				
111	JIANG ZIJIAN	Người Trung Quốc - Chinese	ES3394937	12A10				
112	CHO GI YOUNG	Người Hàn Quốc - Korean	M52015494	128128				
113	INOUE AKIRA	Người Nhật Bản - Japanese	TT2263362	2609				
114	KO WANG-LI	Người Trung Quốc - Chinese	353625365	2615				
115	KO WANG-LI	Người Nhật Bản - Japanese	TS2482547	2616				
116	Công ty TNHH KYORITSU Việt Nam	FDI Enterprise (Japan)	0201132729	2606	SUGINO TETSUYA	Japanese	TS2898149	Lô E2 Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, xã Tân Tiến, huyện Tân Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
117	GE WENJIE	Người Trung Quốc - Chinese	EG9144539	911				
118	CHEUNG YUEN KWAN	Người Hong Kong - HongKonger	H22015320	1811				
119	KWON HYE YOUNG	Người Hàn Quốc - Korean	M613N6845	2516				
120	SEOL HYEONGSOO	Người Hàn Quốc - Korean	M03222045	1803				

235-D. T. N. G.  
 TY HỮU HẠN  
 TO IAM  
 HẢI PHÒNG



UEDA TAKAFUMI  
 Tổng Giám Đốc